

Số: 05/ 2013/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2013

THÔNG TƯ
Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
trong ngành Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông và Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011 sửa đổi Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông, bao gồm: phát động phong trào thi đua, ký giao ước thi đua, nội dung, hình thức thi đua, tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua; tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng; tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và Quỹ thi đua khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này được áp dụng đối với những cá nhân, tập thể người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài có các hoạt

động liên quan đến ngành Thông tin và Truyền thông (liên quan về báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình và cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông quốc gia; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tập thể cấp trên cơ sở: các cơ quan, đơn vị có nhiều đơn vị thành viên có tư cách pháp nhân đầy đủ, hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Tập thể cấp cơ sở:

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ); Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đơn vị thành viên có tư cách pháp nhân đầy đủ thuộc các tập thể cấp trên cơ sở.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông có tư cách pháp nhân đầy đủ.

3. Tập thể cấp dưới cơ sở: là đơn vị cấp dưới trực tiếp của đơn vị cơ sở.

4. Tập thể khác: là những đơn vị, tổ chức cấp dưới của đơn vị dưới cơ sở.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 3 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; điểm a, khoản 2, phần I Thông tư số 02/2011/TT-BNV của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

1. Tự nguyện, dân chủ, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; cá nhân, tập thể không đăng ký thi đua sẽ không được xét tặng các danh hiệu thi đua.

3. Không xét tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân, tập thể bị xử phạt hành chính, bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

4. Thời gian công tác:

a) Đối với cá nhân: đã được bổ nhiệm vào các chức danh công chức, viên chức nhà nước; người lao động đã được Thủ trưởng đơn vị cơ sở ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm trở lên; các đối tượng trên phải có thời gian làm việc từ 10 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng;

Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, những người phục vụ chiến đấu do bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế, thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xem xét tặng danh hiệu thi đua;

Cá nhân đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu thi đua;

Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp tương đương danh hiệu “Lao động tiên tiến” để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác;

Đối với cá nhân chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu thi đua trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên);

b) Đối với tập thể: phải có thời gian chính thức hoạt động từ 10 tháng trở lên trong năm xét thưởng.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ khen thưởng

Nguyên tắc khen thưởng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 4 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Được tiến hành thường xuyên, kịp thời, đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng và chính xác.

2. Khen thưởng căn cứ vào thành tích và tiêu chuẩn, đảm bảo thành tích đến đâu khen thưởng đến đó. Thành tích đạt được nhiều, phạm vi ảnh hưởng rộng hoặc đạt được trong điều kiện khó khăn thì được xem xét, khen thưởng ở mức hạng cao; không nhất thiết phải theo trình tự có hình thức khen thưởng ở mức thấp rồi mới khen ở mức cao và mức khen lần sau phải cao hơn mức khen lần trước.

3. Chú trọng khen thưởng các đối tượng là cá nhân, tập thể nhỏ, thành tích thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong từng thời kỳ; đặc biệt quan tâm khen thưởng đến các đối tượng là công nhân, người lao động trực tiếp sản xuất.

4. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thành tích chuyên đề được tính là yếu tố gia tăng khi xét khen thưởng thành tích toàn diện hàng năm, thành tích giai đoạn.

5. Một hình thức khen thưởng có thể được tặng nhiều lần cho một đối tượng, nếu thành tích là tương đương.

6. Các tập thể có qui mô lớn như: Bộ, các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập chỉ áp dụng các hình thức khen thưởng theo niên hạn.

7. Khen thưởng tinh thần đi đôi với khen thưởng vật chất.

8. Khen thưởng của cấp nào do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp đó quyết định theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp.

9. Không thưởng tiền, chỉ tặng phẩm kỷ niệm tương ứng với mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu và hình thức khen cho các tổ chức, cá nhân người nước ngoài.

10. Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho một đối tượng, trừ trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất. Các trường hợp đề nghị tặng thưởng Huân chương có tiêu chuẩn liên quan đến “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, thì sau 02 năm được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” mới đề nghị xét tặng Huân chương.

11. Căn cứ vào tình hình thực tế và kết quả phong trào thi đua hàng năm, Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ sẽ quyết định số lượng khen thưởng Cờ thi đua của Bộ và Bằng khen của Bộ trưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp và cấp ủy Đảng cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Triển khai công tác thi đua, khen thưởng:

a) Quản lý công tác thi đua, khen thưởng và bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng;

b) Ban hành và kiểm tra thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn triển khai công tác thi đua, khen thưởng;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch, xác định nội dung, mục tiêu thi đua;

d) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào thi đua, nhân rộng phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý. Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và phát hiện, lựa chọn các cá nhân, tập thể có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định;

e) Phối hợp với các cơ quan thông tin, báo chí thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến: Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng của Chính phủ; Thông tư và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác thi đua, khen thưởng của Bộ; các phong trào thi đua do Bộ và các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông phát động. Kịp thời tuyên truyền nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua và công tác khen thưởng.

f) Cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ về kết quả hoạt động, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với các trường hợp được đề nghị khen thưởng để phục vụ việc thẩm định thành tích và xét khen thưởng được đảm bảo chính xác.

Điều 7. Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Hội đồng) các cấp:

a) Hội đồng là cơ quan tư vấn, giúp việc cho Thủ trưởng đơn vị cùng cấp về công tác thi đua, khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được thành lập từ cấp đơn vị cơ sở trở lên, do Thủ trưởng đơn vị cùng cấp ra quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc và mối quan hệ công tác với đơn vị chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp;

b) Hội đồng cấp nào do Thủ trưởng cấp đó làm Chủ tịch, Chủ tịch Công đoàn làm Phó Chủ tịch, thủ trưởng đơn vị chuyên trách hoặc cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng làm Ủy viên Thường trực; các thành viên của Hội đồng gồm đại diện Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có) và cán bộ phụ trách một số lĩnh vực chủ yếu của đơn vị.

2. Đơn vị chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp:

a) Cấp Bộ: Vụ Thi đua-Khen thưởng hoặc Phòng Thi đua - Khen thưởng thuộc Vụ Tổ chức cán bộ là đơn vị chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Cấp đơn vị trên cơ sở, đơn vị cơ sở: căn cứ cơ cấu tổ chức; yêu cầu, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng của từng đơn vị, Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định đơn vị chuyên trách là Phòng, Ban hoặc bố trí cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

3. Đơn vị chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp có nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp để cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi quản lý;

b) Thực hiện chức năng là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng cùng cấp;

c) Xây dựng chương trình kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng cho từng thời kỳ và từng lĩnh vực nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch công tác của Bộ và của cơ sở;

d) Giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức các phong trào thi đua, sơ kết, tổng kết, phát hiện điển hình, đúc rút và phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng phong trào thi đua và các điển hình tiên tiến; kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng;

e) Thẩm định hồ sơ, thành tích và đề xuất các hình thức khen thưởng bảo đảm chính xác, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật;

f) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

g) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về chính sách khen thưởng; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

Chương II

THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Phát động, chỉ đạo phong trào thi đua

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong toàn ngành Thông tin và Truyền thông.

2. Cụm trưởng các cụm thi đua, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.
3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phối hợp với đoàn thể quần chúng cùng cấp tổ chức vận động các thành viên của đơn vị tích cực hưởng ứng phong trào thi đua.

Điều 9. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên được tổ chức thực hiện trong suốt thời gian của năm công tác nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình công tác đề ra. Thi đua thường xuyên áp dụng giữa các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc gần giống nhau (thi đua theo lĩnh vực);
2. Thi đua theo đợt được tổ chức nhằm lập thành tích chào mừng kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm hoặc thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn có tính chất khó khăn, phức tạp và giải quyết những công việc còn yếu kém trong từng giai đoạn và thời gian cụ thể (thi đua theo chuyên đề).

Khen thưởng trong phong trào thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề) chỉ thực hiện khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng ở cấp cơ sở, cấp Bộ. Trường hợp sơ, tổng kết đợt hoặc chuyên đề thi đua do Bộ tổ chức có thời gian từ 05 năm trở lên mới lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

3. Việc tổ chức thi đua và bình xét khen thưởng trong phong trào thi đua được tổ chức theo các khối, cụm thi đua. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ có văn bản quy định riêng về việc tổ chức thi đua và bình xét khen thưởng theo các khối, cụm thi đua.

Điều 10. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, thực tiễn và có tính khả thi.
2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, đa dạng các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.
3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức triển khai phong trào thi đua.
4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả của phong trào thi đua; bình xét các danh hiệu thi đua và lựa chọn để khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.
5. Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những điển hình tiên tiến để noi gương học tập.

Điều 11. Ký giao ước thi đua và đăng ký danh hiệu thi đua

1. Hàng năm, các tập thể cấp trên cơ sở, cấp cơ sở có trách nhiệm tổ chức cho cá nhân, tập thể trực thuộc đăng ký thi đua, phần đấu đạt được các danh hiệu thi đua; tổng hợp bản đăng ký thi đua gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

2. Cụm trưởng các cụm thi đua tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các cơ quan, đơn vị trong khối, cụm thi đua và gửi bản ký kết giao ước thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng theo thời hạn quy định tại Quy định tổ chức khối, cụm thi đua.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm tổng hợp các bản giao ước thi đua và đăng ký thi đua để theo dõi và làm căn cứ đề xuất xét tặng các danh hiệu thi đua.

4. Đối với cơ quan, đơn vị phát động các phong trào thi đua mà có đăng ký khen thưởng từ cấp Bộ trở lên, trước khi phát động các phong trào thi đua này phải báo cáo và được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 12. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

- a) Lao động tiên tiến;
- b) Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- c) Chiến sĩ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông;
- d) Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) Tập thể lao động tiên tiến;
- b) Tập thể lao động xuất sắc”;
- c) Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông”;
- d) Cờ thi đua của Chính phủ.

Chương III

TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- 1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- 2. Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- 3. Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- 4. Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

Điều 14. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Là Lao động tiên tiến;
- b) Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có giải pháp công tác, có đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác.

Sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng công nghệ mới phải được Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở công nhận. Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Tiêu chuẩn sáng kiến hoặc áp dụng sáng kiến:

- a) Có những đề xuất nhằm thực hiện cải cách hành chính được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị công nhận và cho áp dụng trong cơ quan, đơn vị;
- b) Tham gia tích cực trong việc nghiên cứu, xây dựng các đề án về cơ chế, chính sách mang lại hiệu quả cao, đóng góp lớn vào việc quản lý nhà nước và phục vụ sản xuất kinh doanh;
- c) Tham gia tích cực các đề tài khoa học công nghệ, khoa học quản lý đã được nghiệm thu và mang lại kết quả cụ thể;
- d) Đề xuất hoặc áp dụng giải pháp, qui trình mới vào quản lý, được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chấp nhận cho áp dụng trong cơ quan, đơn vị;
- e) Đề xuất sáng kiến hoặc áp dụng sáng kiến cải tiến trong công tác phục vụ được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chấp nhận cho áp dụng trong cơ quan, đơn vị.

Điều 15. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- 1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số các cá nhân đã 03 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở ngay trước thời điểm đề nghị khen thưởng và trong giai đoạn này có ít nhất một lần được tặng Bằng khen của Bộ trưởng về thành tích toàn diện theo niên hạn;
- 2. Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với Bộ, ngành và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành xem xét, công nhận.

Điều 16. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- 1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số các cá nhân 2 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành ngay trước thời điểm đề nghị khen thưởng và

trong giai đoạn đó có một lần được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Huân chương Lao động;

2. Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng rộng đối với toàn quốc.

Mỗi đơn vị cơ sở hàng năm chỉ xét chọn không quá 01 cá nhân tiêu biểu nhất để đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Điều 17. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
3. Có ít nhất 50% cá nhân trong đơn vị đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và đơn vị không có người bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 18. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;
4. Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 19. Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông được xét tặng hàng năm cho tập thể cấp trên cơ sở, cấp cơ sở và cấp dưới cơ sở, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc ở mức tiêu biểu nhất trong cơ sở (đơn vị dưới cơ sở) hoặc đơn vị tiêu biểu nhất trong cụm thi đua do Bộ tổ chức; hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch, chương trình công tác được giao; đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc các tập thể thuộc các Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Cờ thi đua về thành tích trong phong trào thi đua theo chuyên đề hoặc theo lĩnh vực do Bộ phát động: được xét tặng sau khi tổng kết phong trào thi đua theo chuyên đề hoặc theo lĩnh vực; Bộ sẽ tặng Cờ thi đua cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua.

Điều 20. Cờ thi đua của Chính phủ

Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành vượt mức, toàn diện kế hoạch sản xuất, chương trình công tác được giao trong năm; thành tích của đơn vị phải là tiêu biểu nhất cho các đơn vị cùng khối trong phạm vi toàn quốc;

2. Có nhân tố mới, điển hình mới cho các đơn vị cùng ngành, nghề, nghiệp vụ cả nước học tập;

3. Nội bộ đoàn kết, là đơn vị đi đầu trong công tác thực hành tiết kiệm, chống tham ô, tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội; tích cực tham gia các hoạt động xã hội;

Mỗi lĩnh vực, mỗi ngành nghề, mỗi khu vực, mỗi Cụm thi đua chỉ lựa chọn một đơn vị dẫn đầu để xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ. Tập thể được xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” phải là tập thể tiêu biểu, xuất sắc được xét chọn trong số những tập thể đã được xét tặng Cờ thi đua của Bộ.

Chương IV

HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 21. Hình thức, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Hình thức khen thưởng cấp Nhà nước gồm: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba; Huân, huy chương kháng chiến; Huân, Huy chương Hữu nghị; Danh hiệu vinh dự Nhà nước (Danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú); Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Chương III của Luật Thi đua, Khen thưởng, Chương III của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Mục II Thông tư số 02/2011/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 22. Hình thức và tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xét tặng cho:

a) Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, tặng cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thường xuyên hàng năm, đạt 02 lần liên tục danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;

b) Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt 02 lần liên tục danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc;

c) Tặng cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong một phong trào thi đua; một cuộc vận động thi đua; trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất từng thời kỳ; trong một công trình, một đề tài hoặc gương điển hình tiên tiến có phạm vi ảnh hưởng trong toàn Ngành;

d) Tặng cho tập thể có quá trình đóng góp lâu năm cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Thông tin và Truyền thông Việt Nam, được xét tặng nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống của cơ quan, đơn vị vào các năm chẵn;

e) Các trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thông tin và Truyền thông” là một hình thức khen thưởng của Bộ Thông tin và Truyền thông để ghi nhận công lao đóng góp của các cá nhân vào sự phát triển ngành Thông tin và Truyền thông Việt Nam. Việc xét tặng Kỷ niệm chương thực hiện theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 480/QĐ-BTTTT ngày 15/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Trướng lưu niệm: Bộ Thông tin và Truyền thông tặng Trướng lưu niệm để ghi nhận thành tựu xây dựng và phát triển cho các tập thể có quá trình xây dựng và phát triển ổn định từ 05 năm trở lên; nội dung Trướng lưu niệm do đơn vị cơ sở đề xuất và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, trình Bộ trưởng quyết định.

Điều 23. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp cơ sở hoặc cấp trên cơ sở

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

b) Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;

d) Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên để kịp thời động viên cá nhân, tập thể ngay sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG VÀ TRAO TẶNG

Điều 24. Thẩm quyền quyết định

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định tặng:

a) “Cờ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông”;

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; Ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị cấp trên cơ sở quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các tập thể trực thuộc;

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông” cho các cá nhân thuộc Bộ và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

d) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thông tin và Truyền thông”;

e) Bằng khen của Bộ trưởng;

f) Trướng lưu niệm;

g) Các danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và hình thức khen thưởng Giấy khen cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ không có tư cách pháp nhân.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng quyết định tặng:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”;

d) Hình thức khen thưởng Giấy khen.

3. Thẩm quyền quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua: Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc; các hình thức khen thưởng: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Danh hiệu vinh dự Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 77, 78 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 25. Tổ chức trao tặng và đón nhận

1. Trách nhiệm tổ chức trao tặng: Thủ trưởng đơn vị cấp trên cơ sở, cấp cơ sở hoặc Ban tổ chức các Hội nghị chuyên đề tổ chức lễ trao tặng đối với tất cả các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng do Thủ trưởng đơn vị cơ sở, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước và các hình thức khen thưởng của các Bộ, ngành, địa phương, Trung ương các đoàn thể quyết định khen thưởng. Trường hợp đặc biệt sẽ do Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ trình Bộ trưởng quyết định.

2. Nghi thức tổ chức trao tặng: các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định thực hiện theo quy định tại Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ. Các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng do Bộ trưởng, Thủ trưởng đơn vị cơ sở quyết định cần tổ chức trang nghiêm, có tác dụng động viên, giáo dục.

3. Thẩm quyền trao tặng:

a) Các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định: thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Thi đua, Khen thưởng;

b) Các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng do Bộ trưởng quyết định: Bộ trưởng trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng;

c) Các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng do Thủ trưởng đơn vị cơ sở quyết định: Thủ trưởng đơn vị trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng.

Chương VI

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 26. Tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: cấp trên chỉ tổ chức xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng khi nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng của cấp dưới trực tiếp. Không nhận hồ sơ gửi vượt cấp.

2. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

3. Khen thưởng thành tích trong các phong trào thi đua: cấp nào chủ trì phát động phong trào thi đua thì cấp đó có trách nhiệm tổng kết, lựa chọn cá nhân, tập thể tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Khen thưởng thành tích xuất sắc, đột xuất: cấp nào có cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Trình khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thành tích theo niên hạn thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước, thực hiện theo Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và khoản 1, Mục III Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ.

Điều 27. Thủ tục trình khen thưởng

1. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sĩ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông, Tập thể lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ các nội dung sau:

a) Số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;

b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;

c) Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn (có xác nhận của cơ quan tài chính có thẩm quyền). Số năm xác nhận thuế tương ứng với số năm trong báo cáo thành tích của

tập thể, cá nhân. Số liệu xác nhận thuế gồm: xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định và nộp đúng hạn).

2. Các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng phải thông qua và có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng:

- a) Lao động tiên tiến;
- b) Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- c) Chiến sĩ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông;
- d) Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
- e) Tập thể lao động tiên tiến;
- f) Tập thể lao động xuất sắc;
- g) Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- h) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

i) Các danh hiệu và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước được quy định tại Điều 21 của Thông tư này.

3. Đối với khen thưởng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thông tin và Truyền thông” và các trường hợp khen thưởng theo hồ sơ, thủ tục đơn giản quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, Khen thưởng thì không phải thông qua Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ. Đơn vị làm chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thành tích theo tiêu chuẩn quy định và trực tiếp trình khen thưởng.

4. Các trường hợp đề nghị khen thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phải có trên 50% thành viên Hội đồng Thi đua-Khen thưởng đồng ý.

5. Các trường hợp đề nghị khen thưởng Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông, Chiến sĩ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương và Huy chương các loại phải có trên 70% thành viên Hội đồng Thi đua-Khen thưởng đồng ý.

6. Các trường hợp đề nghị khen thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Anh hùng Lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú phải có trên 90% thành viên Hội đồng Thi đua-Khen thưởng đồng ý.

7. Các danh hiệu và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân được lấy ý kiến của toàn thể CBCNV và nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Bộ. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên

quan quy định nội dung, hình thức lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ trong 15 ngày làm việc.

8. Trình Thủ tướng Chính phủ sau khi có ý kiến của Ban cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông đối với các trường hợp khen thưởng sau:

a) Khen thưởng cán bộ thuộc diện Ban Cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý;

b) Các hình thức khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập (các hạng), danh hiệu: Anh hùng Lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Điều 28. Hiệp y khen thưởng:

1. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Khi trình khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng, Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông cho tập thể Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông phải lấy ý kiến hiệp y của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Khi trình khen thưởng cho tập thể cơ quan, đơn vị hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải có ý kiến hiệp y của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ có ý kiến hiệp y khen thưởng đối với các trường hợp được đề nghị khen thưởng cấp nhà nước khi có văn bản xin ý kiến hiệp y của Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương hoặc Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố Trung ương.

Điều 29. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Bộ: Đơn vị đề nghị khen thưởng nộp 01 bộ (bản chính), gồm có:

- a) Tờ trình;
- b) Danh sách đề nghị khen thưởng;
- c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua-Khen thưởng hoặc biên bản bình xét thi đua của đơn vị;
- d) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Đơn vị đề nghị khen thưởng nộp 03 bộ (bản chính), mỗi bộ gồm có:

- a) Tờ trình;
- b) Danh sách đề nghị khen thưởng;
- c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua-Khen thưởng hoặc biên bản bình xét thi đua của đơn vị;

d) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương các loại: Đơn vị đề nghị khen thưởng nộp 04 bộ (bản chính), mỗi bộ gồm có:

a) Tờ trình;

b) Danh sách đề nghị khen thưởng;

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua-Khen thưởng hoặc biên bản bình xét thi đua của đơn vị;

d) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Anh hùng gồm 04 bộ (bản chính), mỗi bộ gồm có:

a) Tờ trình;

b) Ý kiến đề nghị bằng văn bản của cấp ủy Đảng cùng cấp;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

d) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài và người Việt nam ở nước ngoài nộp 03 bộ (bản chính), mỗi bộ gồm: Tờ trình của đơn vị đề nghị khen thưởng và báo cáo tóm tắt thành tích có xác nhận của cấp trình khen thưởng.

6. Trường hợp tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng do có sáng kiến, phát minh, sáng chế, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ và trong các lĩnh vực khác phải có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

7. Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc hoặc đề nghị xét khen thưởng: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại; trong báo cáo thành tích phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực và trích lục ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến của cấp trình khen thưởng; trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp trình khen thưởng. Ngoài ra, đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước phải thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư này.

8. Khi trình Bộ trưởng xét khen thưởng hoặc xét đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, cấp trình khen thưởng phải đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ trình (ở định dạng .doc đối với tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng; ở dạng .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến đơn vị chuyên trách thi đua khen thưởng của Bộ.

Điều 30. Thời hạn nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Khen thưởng thành tích trong phong trào thi đua thường xuyên hàng năm:

a) Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc: các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, chậm nhất là ngày 15 tháng 12 của năm khen thưởng;

b) Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ Thi đua của Bộ:

Đối với các cơ quan, đơn vị (trừ doanh nghiệp): gửi hồ sơ về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, chậm nhất là ngày 15 tháng 12 của năm khen thưởng;

Đối với các doanh nghiệp: gửi hồ sơ về Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ, chậm nhất vào ngày 20 tháng 02 năm sau của năm đề nghị khen thưởng;

c) Hình thức khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông: các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ về Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ, chậm nhất vào ngày 20 tháng 2 năm sau của năm đề nghị khen thưởng;

d) Đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: Gửi hồ sơ về Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ, chậm nhất ngày 30 tháng 3 năm sau của năm đề nghị khen thưởng;

đ) Hình thức khen thưởng: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại, danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Bộ chậm nhất ngày 30 tháng 4 năm sau của năm đề nghị khen thưởng.

2. Khen thưởng thành tích theo chuyên đề: các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ về Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ ngay sau khi tổng kết chuyên đề.

3. Khen thưởng thành tích xuất sắc, đột xuất: các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ về Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 31. Trách nhiệm và nguyên tắc trích lập Quỹ thi đua khen thưởng

1. Hàng năm, đơn vị chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ căn cứ vào kết quả thực hiện Quỹ thi đua khen thưởng năm trước; các chỉ tiêu đăng ký danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và dự kiến các khoản chi phục vụ cho công tác thi đua, khen thưởng năm kế hoạch để lập dự toán Quỹ thi đua khen thưởng của Bộ.

2. Nguồn và phương pháp trích lập, trích nộp Quỹ thi đua khen thưởng:

a) Nguồn hình thành, việc trích lập, nộp và sử dụng Quỹ thi đua khen thưởng của Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

b) Hàng năm, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm tham mưu để Bộ bố trí nguồn chi cho công tác thi đua, khen thưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Thông tư số 71/2011/TT-BTC;

3. Bộ Thông tin và Truyền thông khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Ngành hỗ trợ, đóng góp để bổ sung Quỹ thi đua khen thưởng của Bộ.

Điều 32. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng tập trung của Bộ do Văn phòng Bộ quản lý và được dùng để chi:

a) Tổ chức chỉ đạo, triển khai các phong trào thi đua của Bộ;

b) Thưởng tiền hoặc hiện vật kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc khối Cơ quan Bộ (các Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ);

c) In ấn các Giấy chứng nhận, Bằng khen của Bộ trưởng, làm Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Thông tin và Truyền thông, Cờ Thi đua của Bộ, Huy hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Thông tin và Truyền thông, Trướng lưu niệm và phục vụ các hoạt động khác về thi đua, khen thưởng.

2. Quỹ thi đua khen thưởng của các đơn vị: do các đơn vị quản lý và sử dụng để chi cho việc tổ chức các phong trào thi đua của đơn vị, mua sắm các hiện vật khen thưởng, tiền thưởng hoặc tặng phẩm kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực thuộc và phục vụ các hoạt động khác về thi đua khen thưởng của đơn vị.

3. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng nếu đạt được các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác nhau, thì chỉ nhận được tiền thưởng đối với mức thưởng cao nhất.

4. Cách tính tiền thưởng và mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75 và Điều 76 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

5. Nghiêm cấm việc sử dụng Quỹ thi đua khen thưởng vào mục đích khác.

Chương VIII QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Điều 33. Quyền lợi của cá nhân, tập thể được khen thưởng

1. Cá nhân được nhận các hiện vật kèm theo quyết định khen thưởng (Bằng hoặc Giấy chứng nhận, Huy hiệu, Huy chương, Kỷ niệm chương, Huân chương) và một khoản tiền hoặc tặng phẩm kỷ niệm theo quy định; có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng; được xem xét nâng lương trước thời hạn, được ưu tiên cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở

trong nước và nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và văn bản hướng dẫn khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Tập thể được nhận các hiện vật kèm quyết định khen thưởng (Bằng, Giấy chứng nhận, Huy hiệu, Huy chương, Kỷ niệm chương, Huân chương) và một khoản tiền hoặc tặng phẩm kỷ niệm theo quy định; có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng biểu tượng của các hình thức khen thưởng trên các văn bản, tài liệu chính thức của đơn vị.

Điều 34. Trách nhiệm của cá nhân, tập thể được khen thưởng

Cá nhân, tập thể được khen thưởng có trách nhiệm bảo quản các hiện vật khen thưởng, nếu mất không được cấp lại. Trường hợp đặc biệt được cấp có thẩm quyền xem xét, cấp lại; không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; Cục trưởng các cục thi đua; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông có trách nhiệm phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc triển khai thực hiện Thông tư trong toàn Ngành, định kỳ báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Thông tư với Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2013 và thay thế Quyết định số 876/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành “Quy chế Thi đua-Khen thưởng của Bộ Thông tin và Truyền thông”.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những điểm chưa phù hợp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong ngành Thông tin và Truyền thông phản ánh về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Hội đồng TĐKT TW; Ban TĐKT TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các thành viên Hội đồng TĐKT Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; hội, hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực TTTT;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Bộ TT&TT;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Bắc Sơn